

Số /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính trọng tâm trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026- 2030; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với CCHC tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2026 - 2030; UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch CCHC trọng tâm trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục triển khai, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030;

- Kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CCHC giai đoạn 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương).

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả CCHC, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

2. Chỉ tiêu

a) Giai đoạn 2026 - 2027:

- Về thể chế: Hoàn thiện 100% các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo thẩm quyền, đảm bảo tính đồng bộ và khả thi.

- Về dịch vụ công và thủ tục hành chính:

+ 100% thủ tục hành chính (TTHC) có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 95%.

- Về tổ chức, bộ máy: Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Trung ương.

- Về cải cách công vụ: Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản: Cấp xã đạt $\geq 80\%$; cấp tỉnh đạt 100%.

- Về vận hành chính quyền số: 100% các nền tảng số dùng chung của tỉnh lĩnh vực phục vụ Chính quyền số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất theo đúng kế hoạch:

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

+ 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

+ 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

b) Giai đoạn 2028 - 2030:

- Về thể chế: Có hệ thống pháp luật công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi.

- Về dịch vụ công và TTHC:

+ Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 99%.

+ 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC nói chung đạt $\geq 95\%$ (lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt $\geq 90\%$); Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt $\geq 90\%$).

+ Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh (PAR Index) đạt mức Tốt (đạt từ 80% đến 90%), phần đầu đạt trên mức bình quân của cả nước. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt $\geq 95\%$.

- Về chế độ công vụ: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới:

+ 25% đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

+ 100% cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị dữ liệu cơ bản.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; có trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp với vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- Về phát triển chính quyền số:

+ Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) đạt $\geq 0,75$; xếp hạng về phát triển Chính quyền số của tỉnh đạt nhóm 20 cả nước.

+ 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ 100% cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

(Danh mục các chỉ tiêu và cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo).

3. Yêu cầu

- Xác định CCHC là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước. CCHC lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể và mục tiêu cải cách; sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, với quyết tâm và nỗ lực lớn, tổ chức đồng bộ, thông suốt trong bộ máy hành chính.

- Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, thống nhất và nghiêm túc, bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm soát, không để xảy ra tình trạng triển khai manh mún, hình thức, cục bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong CCHC giai đoạn vừa qua. Tăng cường nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm CCHC của các tỉnh, thành phố trong cả nước; huy động hiệu quả các nguồn lực về tài chính và công nghệ hỗ trợ cho quá trình CCHC của tỉnh.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC. Lấy kết quả, hiệu quả CCHC là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thống nhất thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh nhằm đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

b) Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát, phản biện đối với công tác pháp luật, tăng cường trách nhiệm của từng cơ quan và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

d) Chủ động rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, xử lý kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, văn bản không còn phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh hoặc có nội dung trái pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy và dựa trên dữ liệu; cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ không cần thiết, trùng lặp trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Triển khai hiệu quả việc đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP và các quy định liên quan; đồng thời đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, tái cấu trúc quy trình, tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công theo hướng số hóa, liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; nâng cao chất lượng hoạt động và tinh thần phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã, bảo đảm chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả; triển khai có hiệu quả việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết, tái sử dụng dữ liệu; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; công khai, minh bạch quá trình giải quyết, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương. Nâng cao trách nhiệm thực thi công

vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân. Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, xác định rõ trách nhiệm từng đơn vị, bảo đảm giải quyết hồ sơ thông suốt, đúng thời hạn. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; Xử lý kịp thời, dứt điểm các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cập nhật, công khai kết quả xử lý theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ngành cấp tỉnh, cấp xã theo quy định.

b) Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và các quy định có liên quan.

c) Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định, gắn tinh giản biên chế với sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả.

d) Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý trên các lĩnh vực theo quy định đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả. Tiếp tục rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, kiến nghị, đề xuất các nội dung quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Trung ương.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

b) Xây dựng đội ngũ CB, CC, VC cấp tỉnh, cấp xã đủ năng lực, phẩm chất, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2026 - 2030.

c) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng CB, CC, VC.

d) Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng CB, CC, VC nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; Thực hiện bồi dưỡng CB, CC, VC theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

đ) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

5. Cải cách tài chính công

a) Hoàn thiện cơ chế tài chính, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện các nhiệm vụ, giải

pháp chủ yếu về lĩnh vực tài chính tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2026 - 2030): tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách, cơ cấu lại thu, chi và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Nâng cao hiệu quả đầu tư công, thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và các nguồn vốn ngoài ngân sách; tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Tập trung hoàn thiện việc đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025; các quy định có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công. Tiếp tục rà soát, bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Triển khai 5 nhiệm vụ đột phá tại Nghị quyết BCH Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030: (1) Đột phá về thể chế và môi trường pháp lý số (2) Đột phá về tổ chức bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực số (3) Đột phá cải cách TTHC và dịch vụ công thông minh (4) Đột phá xây dựng chính quyền số, quản trị điều hành dựa trên dữ liệu (5) Đột phá về tài chính công và đảm bảo nguồn lực.

b) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh triển khai Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

(Các nhiệm vụ cụ thể trên 6 lĩnh vực trọng tâm tại Phụ lục II kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND cấp xã

a) Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

b) Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển

khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch CCHC hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; sử dụng có hiệu quả Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CB, CC, VC, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

d) Các cơ quan, đơn vị đầu mối tăng cường phối hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành mình. Chủ động đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, giúp nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trọng tâm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực công tác CCHC của UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch CCHC hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp xã triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện; Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

c) Chủ trì, tham mưu triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

d) Chủ trì triển khai xác định Chỉ số CCHC của tỉnh, các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp xã; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác CCHC ở các sở, ngành, UBND cấp xã.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

g) Phối hợp với Sở Tài chính để lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

b) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, phần mềm Theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh.

4. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác tổ chức thi hành pháp luật và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Cải cách tài chính công; hướng dẫn, đôn đốc và giám sát thực hiện công khai ngân sách nhà nước của các sở, ngành, địa phương.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, cân đối kinh phí thực hiện cải cách hành chính của tỉnh trong dự toán ngân sách hằng năm.

c) Theo dõi, đôn đốc và đề xuất các biện pháp, giải pháp để duy trì, cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh (PCI).

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai các chương trình hành động, Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; theo dõi, đôn đốc việc triển khai kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với CCHC giai đoạn 2026 - 2030.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Công an tỉnh

a) Chủ trì triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06.

b) Chủ trì làm đầu mối vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn và tính sẵn sàng cao của các hệ thống này phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu liên tục trên địa bàn tỉnh; đầu mối vận hành Hệ thống điều phối giải quyết TTHC; kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành qua nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

8. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Thực hiện các giải pháp nhằm thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương; đồng thời tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, nâng cao hiệu quả xúc tiến góp phần xây dựng chính quyền phục vụ, kiến tạo phát triển và cải thiện chỉ số PCI của tỉnh.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị, Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh

a) Thực hiện các chuyên mục, chuyên trang CCHC; tăng cường chất lượng các tin bài viết về CCHC để đảm bảo triển khai tốt các nội dung thông tin, tuyên truyền về CCHC.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công; định kỳ (và đột xuất khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Trên đây là Kế hoạch Cải cách hành chính trọng tâm trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu nghiêm túc chỉ đạo tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TH_(H), NC_(Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

